

Số: 2614 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1 tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến (đợt 7) thuộc dự án bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;

Căn cứ Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh bổ sung khoản 10a Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để phục vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát (trừ xã Cát Hải) tại Tờ trình số 28/TTr-HĐBT ngày 12/6/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 831/TTr-STNMT ngày 12/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu khách sạn cao tầng tại Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến (đợt 7) thuộc dự án bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **11.308.322.901 đồng** (Mười một tỷ, ba trăm lẻ tám triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm lẻ một đồng), trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	10.965.895.206 đồng.
+ Giá trị hỗ trợ thuê nhà ở:	50.000.000 đồng.
+ Thương đẩy nhanh tiến độ GPMB:	49.000.000 đồng.
+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	221.297.904 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 22.130.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 15.490.000 đồng).

+ Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất:	22.129.790 đồng.
--	------------------

- Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

Bố trí 09 lô đất tái định cư cho 05 hộ gia đình và 04 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ chính, với tổng diện tích 1.201,8m² tại Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2). Tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **7.418.000.000 đồng** (Bảy tỷ, bốn trăm mười tám triệu đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

Nguyễn Tuấn Thanh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU KHÁCH SẠN CAO TẦNG TẠI ĐIỂM SỐ 1, TUYẾN DU LỊCH BIỂN NHƠN LÝ - CÁT TIẾN (ĐỢT 7)

THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, GPMB CÁC DỰ ÁN TRONG KHU KINH TẾ NHƠN HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
1	Trần Văn Thành - Hồ Thị Đẹt	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	1.314,90	1.725.307.800	539.473.138	44.349.900	1.503.955.600	3.813.086.438
2	Đào Tám - Trần Thị Huyền Diệu	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	239,20	29.600.000	670.809.756	0	100.032.000	800.441.756
3	Lê Minh Cường - Phạm Thị Minh Uyên	Số nhà 12, đường Tây Sơn, KV 1, P. Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn	236,00	29.600.000	719.582.123	2.874.000	88.800.000	840.856.123
4	Đỗ Văn Cư - Trần Thị Mơ (Cùng các hộ nhận cho, tặng)	Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	406,80	807.009.600	873.553.531	14.237.500	805.087.200	2.499.887.831
5	Nguyễn Văn Quy - Trần Thị Hiền	Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	929,20	214.066.152	562.831.331	90.236.500	4.920.000	872.053.983
6	Thái Văn Hải - Nguyễn Thị Óm (Cùng hộ nhận cho, tặng)	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	623,40	676.414.800	151.088.031	320.000	1.109.538.000	1.937.360.831

7	Đỗ Thị Rôm (Cùng các hộ nhận chuyển nhượng, nhận tặng, cho)	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	2.420,40	0	193.135.144	9.073.100	0	202.208.244
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ							10.965.895.206
B	Giá trị hỗ trợ thuê nhà ở (Theo Phụ lục số 02)							50.000.000
C	Giá trị thưởng giao trả GPMB sớm (Theo Phụ lục số 03)							49.000.000
D	Chi phí GPMB 2%							221.297.904
E	Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế 0,2%							22.129.790
G	Tổng cộng							11.308.322.901

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà (đồng)
1	Trần Văn Thành Hồ Thị Đẹt	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiên, huyện Phù Cát	15.000.000
2	Đỗ Văn Cư - Trần Thị Mơ (Cùng các hộ nhận cho, tặng)	Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiên, huyện Phù Cát	10.000.000
3	Nguyễn Văn Quy Trần Thị Hiền	Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiên, huyện Phù Cát	10.000.000
4	Thái Văn Hải - Nguyễn Thị Óm (Cùng hộ nhận cho, tặng)	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiên, huyện Phù Cát	15.000.000
Tổng cộng			50.000.000

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THƯỜNG ĐÃ NHANH TIẾN ĐỘ GPMB

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị thường	Cấp nhà, vật kiến trúc
1	Trần Văn Thành Hồ Thị Đẹt	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	7.000.000	Nhà N ₅
2	Đào Tám Trần Thị Huyền Diệu	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	7.000.000	Nhà N ₈
3	Lê Minh Cường Phạm Thị Minh Uyển	Số nhà 12, đường Tây Sơn, KV 1, P. Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn	7.000.000	Nhà N ₈
4	Đỗ Văn Cư - Trần Thị Mơ (Cùng các hộ nhận cho, tặng)	Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	7.000.000	Nhà N ₅
5	Nguyễn Văn Quy Trần Thị Hiền	Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	7.000.000	Nhà N ₅
6	Thái Văn Hải Nguyễn Thị Ôm (Cùng hộ nhận cho, tặng)	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	7.000.000	Nhà N ₇
7	Đỗ Thị Rôm (Cùng các hộ nhận chuyển nhượng, nhận tặng, cho)	Khu phố Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	7.000.000	Nhà N ₆
Tổng cộng			49.000.000	

Phụ lục số 04

BẢNG TỔNG HỢP BỐ TRÍ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH DO HƯỞNG GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU KHÁCH SẠN CAO TẦNG TẠI ĐIỂM SỐ 1, TUYẾN DU LỊCH BIỂN NHƠN LÝ - CÁT TIẾN (ĐỢT 7) THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, GPMB CÁC DỰ ÁN TRONG KHU KINH TẾ NHƠN HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Đơn giá đất thị trường (đồng/m ²)		
Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2)										
1	Trần Văn Thành Hồ Thị Đẹt	Phú Hậu, Cát Tiến	19	ĐS3	A	152,0	5.000.000	10.000.000	760.000.000	Nộp 152m ² theo giá đất ở cụ thể
2	Nguyễn Xuân Quân Trần Thị Thanh Ngân	Phú Hậu, Cát Tiến	34	ĐS10	E	124,7	4.000.000	7.500.000	767.250.000	Nộp 48m ² theo giá đất ở cụ thể và 76,7m ² theo đơn giá đất ở thị trường (Lô thứ 2 trong hộ Trần Văn Thành)
3	Trần Anh Ngữ Đặng Thị Kim Hồng	Phú Hậu, Cát Tiến	36	ĐS10	E	124,9	4.000.000	7.500.000	761.750.000	Nộp 50m ² theo giá đất ở cụ thể và 74,9m ² theo đơn giá đất ở thị trường (Lô thứ 3 trong hộ Trần Văn Thành)

4	Trần Đạt Khoa Nguyễn Thị Mỹ Hiếu	Phú Hậu, Cát Tiền	33	ĐS10	E	124,7	4.000.000	7.500.000	760.250.000	Nộp 50m ² theo giá đất ở cụ thể và 74,7m ² theo đơn giá đất ở thị trường (<i>Lô thứ 4 trong hộ Trần Văn Thành</i>)
5	Đỗ Văn Cư Trần Thị Mơ	Trung Lương, Cát Tiền	8	ĐS2	K	150,0	5.000.000	10.000.000	750.000.000	Nộp 150m ² theo giá đất ở cụ thể
6	Đỗ Ngọc Quang Đỗ Thị Thúy Hoa	Trung Lương, Cát Tiền	10	ĐS9	E	124,8	4.000.000	7.500.000	936.000.000	Nộp 124,8m ² theo đơn giá đất ở thị trường
7	Nguyễn Văn Quy Trần Thị Hiền	Trung Lương, Cát Tiền	12	ĐS10	E	125,0	4.000.000	7.500.000	937.500.000	Nộp 125m ² theo đơn giá đất ở thị trường
8	Thái Văn Hải Nguyễn Thị Ôm	Phú Hậu, Cát Tiền	17	ĐS3	A	151,0	5.000.000	10.000.000	810.000.000	Nộp 140m ² theo giá đất ở cụ thể và 11m ² theo đơn giá đất ở thị trường
9	Thái Như Quỳnh Đỗ Ngọc Trọng Đá	Phú Hậu, Cát Tiền	31	ĐS10	E	124,7	4.000.000	7.500.000	935.250.000	Nộp 124,7m ² theo đơn giá đất ở thị trường (<i>Lô thứ 2 trong hộ Thái Văn Hải</i>)
Tổng tiền sử dụng đất phải nộp									7.418.000.000	